

ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG NGHỀ NUÔI CÁ ĐỒNG Ở TỈNH HẬU GIANG

AN ASSESSMENT OF THE FARMING OF NATIVE FISH SPECIES IN HAU GIANG PROVINCE

Nguyễn Khánh Huỳnh*, Lê Xuân Sinh và Từ Thanh Dung

Bộ môn Quản lý và Kinh tế Nghề cá, Khoa Thủy sản – Đại học Cần Thơ

Email: nkhuynh281@student.ctu.edu.vn

ABSTRACT

This paper provides an analysis of technical-financial results as well as environmental and fish health management in the farming of native fish species in Hau Giang province. Data were collected through the interviews of 125 fish farmers with 4 native fish species such as square-head anabas, clown knife fish, snakeskin gourami and swamp eel. Average pond areas of snakeskin gourami and square-head anabas are larger than those of clown knife fish and swamp eel (2.600 m² and 2.500 m² in comparison with 10 m² and 20 m², respectively). About 65% of farmers stocked one crop of fish per year with an average duration of 183.6 days/crop. Fingerlings at the size of 66.5 grams/fish were stocked at 82.5 individuals/m² in average but 76.1% of farmers did not check the quality of fingerlings. Fish were fed mainly by both commercial feed and trash fish with the general Feed Conversion Ratio (FCR) was 2.8. Cultured fish were commonly infected by different fish diseases, especially black body, white tail and scabies. The fish health management was mainly based on simple observations and experiences of farmers but the effectiveness was quite high (72.4% of farmers). Average yield of fish was 88.4 tones/ha/crop which requested an average total production cost for fish culture was VND 106.0 million/ha/crop with 84.5% for variable costs. After selling the harvested fish, total revenue was VND 131.5 million/ha/crop which brought about a profit of VND 25.1 million/ha/crop and 64.7% of fish farmers received positive profit. Total production cost of the farms where had many fish infected was higher (2.32 times more that of uninfected fish farms and 1.06 times more than that of fewer infected fish farms. Most of farms with many fish infected received negative profit while the other two groups had positive profits. More supports and solutions were needed for the major problems such as: (1) stable markets for outputs, (2) better prevention and treatment of fish diseases in abnormal weather and increasing water pollution, and (3) better access to credit supply in order to cope with the increasing price of inputs.

Keywords: costs, environment, farming, health management, native fish, profit, yield.

GIỚI THIỆU

Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) có tiềm năng to lớn cho sản xuất lương thực thủy sản. Cá tra và tôm sú là hai đối tượng nuôi thủy sản chủ lực của vùng. Tuy nhiên với nhu cầu xã hội và xu hướng thị trường thì đa dạng hoá sản phẩm rất cần thiết. Do đó, một số loài thủy sản nước ngọt có giá trị kinh tế cao và phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng như cá rô, cá sặc rằn, lươn, cá thát lát,... được người dân quan tâm phát triển. Hậu Giang là tỉnh có tiềm năng về nuôi thủy sản nước ngọt và đây là thế mạnh thứ hai sau cây lúa. Các mô hình nuôi cá đồng khác nhau đã và đang được áp dụng như nuôi thâm canh, bán thâm canh, quảng canh cải tiến; nuôi trong ao, nuôi trên ruộng và nuôi lồng/vèo trên sông rạch. Năm 2010, tỉnh đã có 500 ha thâm canh cá đồng, phát triển thương hiệu cá thát lát Hậu Giang và một số loại cá chủ lực khác như cá rô phi siêu thịt, cá rô đồng,...(Dự án CPRDS, 2012).

Nhưng trong thời gian vừa qua, việc nuôi cá đồng ở Hậu Giang gặp nhiều khó khăn như: thay đổi của thị hiếu người tiêu dùng, chi phí đầu vào tăng cao, bệnh cá đồng cũng thường xuyên xảy ra và khó kiểm soát nên ảnh hưởng xấu đến năng suất cá nuôi, các loại cá đồng chỉ tiêu thụ nội địa trong khi được nuôi theo phong trào nên cạnh tranh nhiều và thường xuyên bị thương lái ép giá làm cho rất nhiều người nuôi bị lỗ vốn, tác động tiêu cực đến kinh tế của các

hộ nuôi cá. Hoài Thu (2011) cho biết: cá rô đầu vuông bị tụt giá mạnh do cung vượt quá cầu và tin đồn thất thiệt là ăn cá rô đầu vuông bị ung thư. Nghiên cứu “***Đánh giá thực trạng nghề nuôi cá đồng ở tỉnh Hậu Giang***” được thực hiện nhằm cung cấp thông tin về các mô hình nuôi một số loài cá đồng chủ lực để từ đó đề xuất một số giải pháp góp phần phát triển bền vững nghề nuôi cá đồng ở địa phương.